

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 09-5-2024.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,
xác định con cho cha.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Nguyễn Ngọc Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 779/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, xác định con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Kiều N, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ 13, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Tổ G, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Nơi thường xuyên sinh sống: Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam X – Bộ C (thời điểm bị bắt, anh L ở trọ tại ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Vòng A T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ G, Khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng

Nai. Trong thời gian chung sống, chị và anh L thường xuyên mâu thuẫn và tranh chấp do anh L thường xuyên vắng nhà, không có công việc làm ổn định. Đến năm 2017, anh L bị Công an huyện C, tỉnh Bình Phước bắt về tội trộm cắp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo. Năm 2019 - 2020, anh L tiếp tục trộm cắp tài sản và bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai 01 năm 02 tháng tù và bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 10 tháng tù. Đến năm 2023, anh L tiếp tục bị bắt về tội trộm cắp tài sản, bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, hiện nay chị được biết đã chuyển đến Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Nay chị xác định không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với anh L, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Kiều N1, sinh ngày 19/4/2018 hiện đang do chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân với anh L, chị có 01 con riêng tên Vòong Như Ý, sinh ngày 15/11/2023. Cháu N1 là con của chị và anh Vòong A T. Trước đây, chị và anh T có quan hệ tình cảm với nhau, sau đó chị không gặp anh T nữa nhưng sau khi sinh cháu Ý thì anh T đến nhận con. Chị và anh T đã xét nghiệm ADN cháu Ý tại Trung tâm C1, kết quả xác định cháu Ý và anh T có quan hệ cha con. Nay anh T yêu cầu công nhận cháu Ý là con của anh T thì chị đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Theo bản tự khai ngày 23/11/2023, ngày 14/3/2024, bị đơn anh Nguyễn Viết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Kiều N tìm hiểu và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, có tổ chức lễ cưới vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận, hoàn toàn không có mâu thuẫn. Sau khi anh chấp hành án xong ngày 17/3/2022, anh phát hiện chị N có mối quan hệ với người đàn ông khác. Hiện tại, chị N có con với người đàn ông khác, không phải con anh. Đối với yêu cầu ly hôn của chị N thì anh không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kiều N1, sinh ngày 19/4/2018 đang do mẹ chị N nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1, anh đồng ý giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng, do anh đang chấp hành án nên chưa có điều kiện cấp dưỡng, sau khi chấp hành xong, anh sẽ cấp dưỡng theo khả năng.

Anh được biết chị N đã sinh 01 bé gái đặt tên là Vòong Như Ý, sinh ngày 15/11/2023, anh xác định không phải con chung của anh và chị N, nếu anh và chị N ly hôn, anh không nhận nuôi cháu Ý do không phải con của anh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 04/3/2024 và bản tự khai ngày 04/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh V A T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Kiều N trước đây có gặp và quen biết nhau từ năm 2021, có tình cảm với nhau. Thời điểm đó, anh không biết chị N đã có chồng. Đến khoảng năm 2023, anh và chị N có đi chơi xa với nhau 01 lần, từ đó không còn gặp và liên lạc với chị N.

Đến cuối năm 2023, anh được biết chị N có sinh 01 bé gái nên anh có liên hệ với chị N và hỏi chị N là có phải con của anh hay không thì chị N xác nhận là con của anh nên anh và chị N đã đưa cháu đi xét nghiệm ADN tại Trung tâm C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xét nghiệm xác định cháu là con ruột của anh. Sau đó, chị N đăng ký khai sinh cho cháu tên Vòong Như Ý, sinh ngày 15/11/2023. Nay anh đề nghị Tòa án công nhận cháu Vòong Như Ý, sinh ngày 15/11/2023 là con ruột của anh.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N đối với bị đơn anh Nguyễn Viết L, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L; Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kiều N1, sinh ngày 19/4/2018 hiện đang do chị N nuôi dưỡng, chị N yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Xét con chung đang do chị N nuôi dưỡng, anh L đồng ý giao cháu N1 cho chị N nuôi dưỡng, đề nghị xử giao cháu N1 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét; Về yêu cầu độc lập của anh T, xét thấy kết quả xét nghiệm ADN cháu Ý là con của anh T, chị N cũng đồng ý yêu cầu xác định con cho cha nên đề nghị chấp nhận yêu cầu độc lập của anh T; Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Viết L, yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Kiều N1, sinh ngày 19/4/2018. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vòong A T có yêu cầu độc lập yêu cầu xác định cháu Vòong Như Ý, sinh ngày 15/11/2023 là con ruột của anh. Do đó, Tòa án thụ lý vụ án dân sự với quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, xác định con cho cha” theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Viết L, sinh năm 1992, nơi đăng ký thường trú tại thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, nơi thường xuyên sinh sống tại khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, tại thời điểm khởi kiện, anh L đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N, bị đơn anh Nguyễn Viết L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võong A T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều N và anh Nguyễn Viết Lam T1 tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2014, quyển số 01/2014, ngày 05/11/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Nguyên đơn chị N cho rằng trong quá trình chung sống, chị và anh L thường xuyên mâu thuẫn và tranh chấp do anh L thường xuyên vắng nhà, không có công việc làm ổn định. Từ năm 2017 cho đến nay, anh L liên tục vi phạm pháp luật bị Tòa án xét xử nhiều lần, hiện đang bị tạm giam nên chị xác định không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L. Đối với bị đơn anh L trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận, không có mâu thuẫn, sau khi anh chấp hành án xong ngày 17/3/2022, anh phát hiện chị N có mối quan hệ với người đàn ông khác và có con với người đàn ông khác, không phải con anh nên anh không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, từ năm 2017 đến năm 2020, anh L đã nhiều lần bị các Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử về hành vi trộm cắp tài sản tại những địa phương trên cho thấy việc chị N trình bày anh L thường xuyên vắng nhà và không có công việc làm ổn định dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là có căn cứ. Đối với ý kiến trình bày của anh L cho rằng sau khi anh chấp hành án xong phát hiện chị N có quan hệ tình cảm với người khác và có con riêng, chị N cũng thừa nhận trước đó có phát sinh tình cảm với anh V A T nhưng sau đó không còn gặp nhau.

Căn cứ giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 276/GCN ngày 17/3/2022 của Trại giam S do chị N cung cấp thể hiện anh L chấp hành án từ ngày 17/5/2020 cho đến ngày 17/3/2022 là thời gian chị N và anh L không chung sống với nhau. Sau khi anh L chấp hành án xong, chị N đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh L tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành nhưng sau đó rút đơn khởi kiện cho thấy chị N đã có mong muốn ly hôn anh L từ thời gian đó cho đến nay. Mặt khác, sau khi chấp hành án xong, anh L sinh sống ở nhiều nơi khác nhau, không cố định, nghiện ma túy và tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản,

hiện đang chấp hành án tại Trại giam X, Bộ C. Anh L không đồng ý ly hôn nhưng chị N vẫn kiên quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục mối quan hệ hôn nhân.

Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh L, xử cho chị N ly hôn anh L.

Về con chung: Chị N và anh N2 có 01 con chung tên Nguyễn Kiều N1, sinh ngày 19/4/2018 hiện đang do chị N nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu N1 đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N có yêu cầu nuôi dưỡng cháu N1 và được anh L đồng ý tuy nhiên chị N và anh L vắng mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh L mà có căn cứ xử giao cháu N1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con sau khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, hiện anh L đang chấp hành án không có điều kiện cấp dưỡng nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, anh L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị N và anh L đều trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[3] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vòng A T:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị N có sinh 01 cháu ngày 15/11/2023 tại Bệnh viện Đ theo Giấy chứng sinh số 07362/2023/GCS, quyển số 23.11 ngày 16/11/2023. Theo Phiếu kết quả xét nghiệm AND ngày 06/01/2024 của Trung tâm C1 kết luận mẫu AND ký hiệu Vòng A T và mẫu AND ký hiệu Vòng Như Ý có huyết thống cha – con. Chị N và anh T đều thừa nhận cháu Ý là con của anh T nên đã đăng ký khai sinh tên Vòng Như Ý, sinh ngày 15/11/2023 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo Giấy khai sinh số 06/2024 ngày 11/01/2024. Đối với anh L xác định cháu Ý không phải là con chung của anh và chị N. Do đó có căn cứ xác định cháu Vòng Như Ý, sinh ngày 16/11/2023 là con đẻ của anh Vòng A T.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Kiều N khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Viết L nên chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đối với yêu cầu xác định con cho cha, anh Vòng A T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nên ghi nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88, 89, 91, 101, 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N đối với bị đơn anh Nguyễn Viết N2 về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vòong A T đối với nguyên đơn chị Nguyễn Kiều N, bị đơn anh Nguyễn Viết L về xác định con cho cha.

1. Xử cho chị Nguyễn Kiều N ly hôn anh Nguyễn Viết L.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Kiều N1, sinh ngày 19/4/2018.

Xử giao cháu Nguyễn Kiều N1, sinh ngày 19/4/2018 cho chị Nguyễn Kiều N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị N, anh L vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về xác định con cho cha: Xác định cháu Vòong Như Ý, sinh ngày 15/11/2023 là con của anh Vòong A T, sinh năm 1987.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Kiều N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002354 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Chị N đã nộp đủ).

Ghi nhận sự tự nguyện anh V A T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về xác định con cho cha nhưng được khấu vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015406 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Anh T đã nộp đủ).

Anh Nguyễn Viết L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Kiều N, anh Nguyễn Viết L, anh Vòong A T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã Long Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng